

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(Bán niên năm 2026)

(Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục XXV ban hành kèm theo thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (PHVSF)

Loại hình: Quỹ mở

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: không thời hạn.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tại thời điểm 30/06/2026): 14.564.515,82 chứng chỉ quỹ.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo: Không có.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2026 của PHVSF bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Quỹ;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ;
- Phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận Quỹ năm 2025;
- Tổng mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2026 không vượt quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đã tuân thủ theo quy định hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý Quỹ.

Chi tiết tại mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

STT	Chỉ tiêu	30/06/2026 (%)	30/06/2025 (%)	30/06/2024 (%)
1	Danh mục cổ phiếu	83,46	89,54	87,87
2	Tiền và tương đương tiền	11,36	5,01	6,97
3	Tài sản khác	5,18	5,45	5,16
	Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

- Danh mục đầu tư chứng khoán niêm yết phân bổ theo ngành:

STT	Ngành	30/06/2026 (%)	30/06/2025 (%)	30/06/2024 (%)
1	Ngân hàng	41,54	42,66	29,10
2	Hàng tiêu dùng	21,57	7,57	12,63
3	Công nghiệp	17,61	12,71	15,38
4	Tài chính	2,42	7,01	5,76
5	Công nghệ thông tin	1,76	4,42	6,72

6	Nguyên vật liệu	1,83	6,49	8,85
7	Dịch vụ tiêu dùng	-	3,93	5,84
8	Tiện ích Cộng đồng	3,18	-	-
9	Dầu khí	1,86	-	-
10	Tiện ích	-	6,77	1,60
11	Bất động sản	8,23	5,53	7,43
12	Năng lượng	-	2,91	6,69
	Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm:

STT	Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	189.384.801.843	174.166.388.292	182.929.572.014
2	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	13.003,16	12.044,63	12.096,99
3	Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (CCQ)	14.564.515,82	14.460.088,05	15.121.912,07
4	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND)	14.402,89	12.393,00	12.617,99
5	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND)	12.653,35	9.916,43	10.685,66

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(9.038.707.203)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi)	2.335.556.128
3	Lợi nhuận/ (Lỗ) thu được từ bán cổ phiếu	3.020.685.853
4	Tổng chi phí	(2.232.372.507)
	Tổng lợi nhuận của Quỹ	(5.914.837.729)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi

nhuận: Trong năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối năm tài chính):

Chỉ tiêu	30/06/2026
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ	2,3%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối năm tài chính);

Chỉ tiêu	30/06/2026
Tốc độ vòng quay danh mục	116,17%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo.: Không có.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo	Tổng lợi nhuận bình quân (VND)
(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm) tính từ thời điểm lập quỹ 21/11/2022	13.956.797.397
(ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm)	12.734.999.268
(iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm)	N/A

(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); hoặc

(ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 3 năm); hoặc

(iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 05 năm);

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không thay đổi.
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Tính đến 30/06/2026, Quỹ PHVSF có giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ) đạt 14.564,52 đồng/CCQ, tăng 0.72% so với cùng kỳ 2025. Trong khi đó, VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tương đương mức tăng 35,17% so với cùng kỳ 2025. Hiệu suất của Quỹ thấp hơn so với thị trường trong quý 2 2026 chủ yếu đến từ việc không đầu tư vào nhóm cổ phiếu Vingroup, vốn là động lực tăng trưởng chính của VN-Index. Quan điểm đầu tư của Quỹ là chỉ giải ngân vào các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng tốt và tại mức định giá hợp lý, trong khi đó, mức định giá của nhóm Vingroup tại thời điểm đó được đánh giá là cao so với các tiêu chí nội tại. Tuy nhiên, quỹ vẫn đảm bảo được mục tiêu gia tăng ổn định giá trị tài sản cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn.

- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu cụ thể.
- d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Không có.

- e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ ra quyết định đầu tư dựa trên mức tăng trưởng, tiềm năng tăng giá của cổ phiếu so với giá trị hiện tại của cổ phiếu đó. Việc phân bổ tài sản đầu tư và cơ cấu tỷ trọng danh mục đầu tư phù hợp với quy định đã công bố tại Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ.

- f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: So với cùng kỳ 2025, quỹ đã thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư nhằm tận dụng xu hướng biến động của thị trường. Về cơ cấu tài sản theo ngành (Theo phân loại ICB bậc 2), nhìn chung danh mục năm nay của quỹ tập trung vào 7 nhóm ngành chính, chiếm tỷ trọng 70% danh mục, bao gồm: Tài chính, Nguyên vật liệu, Hàng tiêu dùng thiết yếu, Bất động sản, Hàng tiêu dùng không thiết yếu, Công nghiệp và Năng lượng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Trong kỳ báo cáo 30/06/2026, NAV/ccq của PHVSF đạt 14.564,52 đồng/CCQ, tăng 0.72% so với 30/06/2025. Mức tăng này tuy khiêm tốn so với mức tăng của VN-Index, nhưng vẫn đảm bảo sự gia tăng ổn định, cũng với mức độ rủi ro được kiểm soát.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap):

Theo thống kê của Công ty Quản lý Quỹ, cả 3 sản chứng khoán Việt Nam đều ghi nhận mức tăng tích cực trong năm 2025, mặc dù phải chịu cú sốc lớn về thuế quan ngay từ đầu năm 2025. VN-Index có mức tăng ấn tượng 40,86%, tương tự, chỉ số vốn hóa lớn VN30-Index cũng đạt mức tăng 51%. Chỉ số HNX-Index cũng ghi nhận mức tăng 9,38%, riêng sàn Upcom ghi nhận mức tăng tốt hơn HNX-Index, đạt 21%. Diễn biến tích cực của thị trường phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô của năm 2025, khi GDP Việt Nam có mức tăng ấn tượng 8,02%, trong khi lạm phát được kiểm chế tốt ở mức 3,31%, và mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức đáy lịch sử, lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng quốc doanh chỉ ở mức 4,8%.

Những ngành có hiệu suất tốt nhất là Dầu khí, Bất động sản và Viễn thông. Trong khi đó những ngành có hiệu suất kém nhất là Công nghệ thông tin và Hàng tiêu dùng.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.

Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

l) Các thông tin khác (nếu có): Không có.

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu Tư Chọn Lọc Phú Hưng Việt Nam (“Quỹ PHVSF”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này PHVSF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ PHVSF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ PHVSF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ PHVSF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ PHVSF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Chi phí từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Tỷ lệ so với lợi nhuận (%)	Tỷ lệ so với thu nhập (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động của Quỹ (%)
1	Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	-1,67%	-2,69%	5,20%
2	Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	79.200.000	-1,34%	-2,15%	4,16%

- b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): Không áp dụng.
- c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có.
- d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Chi phí từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)
1	Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000
2	Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	79.200.000
	Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền của Quỹ	178.200.000

